

Bản án số: **223/2020/HS-ST**

Ngày: **16/09/2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Tiền**

2. Ông **Nguyễn Văn Khanh**

Thư ký phiên tòa:

Bà **Phạm Hồng Hà** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 226/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐHPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020; đối với các bị cáo:

NGUYỄN VĂN C, sinh năm: 1994; HKTT: thôn C, xã X, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Hóa (sinh năm 1963) và bà Hoàng Thị P (sinh năm 1960); Bị cáo có vợ là Hoàng Thị G (sinh năm: 1991); có 02 con (con lớn sinh năm: 2014, con nhỏ sinh năm 2017); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Theo danh chỉ bản số 184 lập ngày 19/02/2020 Công an quận Long Biên và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tạm giữ: 16/02/2020, tạm giam: 25/02/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

LÊ MIỀN N, sinh năm: 1996; HKTT: thôn Đ, xã T, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn H (đã chết), và bà Đỗ Thị H1 (sinh năm 1959); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Theo danh chỉ bản số 185 lập ngày 19/02/2020 Công an quận Long Biên và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tạm giữ: 16/02/2020, tạm giam: 25/02/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Tuấn A ; sinh năm: 1995; HKTT và ở tại: Thôn A, xã Đ, huyện Gia Lâm, Hà Nội (vắng mặt).

* **Người bào chữa cho bị cáo Lê Miền N :**

1. Ông Trần Tuấn A1 – Luật sư Công ty Luật hợp danh M thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Bà Lại Thu Tr - Luật sư Công ty Luật TNHH G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Thanh T ; sinh năm: 1994; HKTT: Số B Khu tập thể A, Tổ C phường N, Cầu Giấy, Hà Nội; chỗ ở: Xóm T, xã L, huyện Hoài Đức, Hà Nội (vắng mặt).

2. Chị Hoàng Thị G ; sinh năm: 1991, HKTT: thôn X, xã A, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: số N, phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội (vắng mặt).

3. Chị Lê Thị Tư H ; sinh năm: 1998; HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã T, huyện Bình Lục, tỉnh Hà N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 50 phút ngày 15/02/2020, Công an phường Bồ Đề nhận được đơn trình báo của anh Nguyễn Tuấn A ; sinh năm: 1995; HKTT và chỗ ở: Thôn 7, xã Đông Dư, huyện Gia Lâm, Hà Nội về việc: Khoảng 19giờ 30 phút ngày 15/02/2020 tại nhà nghỉ Sành Điệu, địa chỉ: Số 18/22 phố Phú Viên, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội, anh Tuấn Anh bị cướp số tiền 7.100.000 đồng.

Nhận được đơn trình báo, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ: Do có nhu cầu quan hệ tình dục đồng giới N nên khoảng 18 giờ 00 phút ngày 15/02/2020, Nguyễn Tuấn A sử dụng điện thoại Iphone Xs Max lên mạng xã hội Blued nhắn tin cho Nguyễn Văn C có nick N e: mb_callboys, nhờ C tìm N giới bán dâm cho Tuấn Anh, C đồng ý. Cả hai thỏa thuận giá 800.000 đồng/ 1 lần bán dâm, tiền nhà nghỉ người bán dâm trả và hẹn nhau tại ngõ 310 Nghi Tàm, Tây Hồ, Hà Nội để quan hệ tình dục đồng giới. C sử dụng điện thoại có số thuê bao 0768612222 gọi vào số điện thoại 0988379291 của Nguyễn Thanh T hỏi có bán dâm không, T đồng ý. C hẹn T đến khu vực ngõ 310 Nghi Tàm, Tây Hồ, Hà Nội. Lúc này, Lê Miền N đang đi xe máy cùng T, do T đang bị đau chân nên N đề nghị đi bán dâm thay T, T đồng ý. Một lúc sau, C, N, T gặp nhau tại đầu ngõ 310 Nghi Tàm. Tại đây, C liên lạc với Tuấn Anh qua ứng dụng Blued, Tuấn Anh yêu cầu đến Phòng 312 nhà nghỉ Sành Điệu, tổ 2 phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội để quan hệ tình dục đồng giới. Đến khoảng 17giờ 00 phút cùng ngày, C đi xe máy Honda SH, BKS: 29H2-136.79, T và N đi xe máy Piaggio Liberty, BKS: 88F1 - 111.18 đến nhà nghỉ Sành Điệu. Khi đến nơi, N bảo sẽ bán dâm thay cho T, C đồng ý và bảo N lên phòng 312 nhà nghỉ Sành Điệu bán dâm, còn T và C đứng chờ ở gần nhà nghỉ. N gặp Tuấn Anh tại quầy lễ tân và cùng nhau lên phòng 312. Lên tới phòng, N yêu cầu Tuấn Anh phải trả tiền trước rồi thực hiện việc mua bán dâm. Tuấn Anh đi tắm rồi đưa cho N

800.000 đồng tiền bán dâm, nhận tiền xong N và Tuấn Anh nhận ra là đã có lần hẹn mua bán dâm với nhau nhưng Tuấn Anh chê N giống người nghiện nên không đến khiến N không bán dâm được, cả hai nảy sinh mâu thuẫn. N yêu cầu Tuấn Anh phải trả tiền cho những lần bán dâm không thành trước đó nhưng Tuấn Anh không đưa, N gọi điện cho T nói "con lợn này nó lừa em, anh lên xem thế nào", sợ N gọi người lên, Tuấn Anh nói: "không phải gọi cho ai" và đưa cho N 800.000 đồng. Nhận được điện thoại của N, T đã bảo với C cùng vào nhà nghỉ, T lên phòng 312 trước và nhận ra Tuấn Anh là người quen nên T bỏ đi và không nói gì. Khi ra đến cầu thang, T gặp C, T nói "anh vào xem bọn nó thế nào, em quen nó nên nói chuyện không tiện" rồi đi xuống. C vào phòng thì thấy N và Tuấn Anh đang cãi nhau, C nói "chơi xong chưa, trả tiền chưa". Tuấn Anh nói đã đưa cho N 1.600.000 đồng. Lúc này N lấy tiền trước đó Tuấn Anh đưa cho N đưa C 800.000 đồng và nói đây là tiền môi giới, C nhận tiền từ N và đưa lại cho Tuấn Anh 100.000 đồng để trả tiền nhà nghỉ như đã thỏa thuận trước đó. N bức xúc kể về mâu thuẫn giữa N và Tuấn Anh. Nghe xong, C nói "Nếu thế em đưa cho nó thêm ít tiền". Tuấn Anh đồng ý đưa thêm cho N 1.000.000 đồng. Tuấn Anh lấy một cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng cầm ở tay trái để đếm từng tờ tiền đưa cho N được 400.000 đồng, thấy thái độ đếm tiền của Tuấn Anh, N nói "Đưa em đếm cho" nhưng Tuấn Anh không đồng ý, thấy vậy C lại gần nói "Đưa tiền đây anh đếm cho", Tuấn Anh vẫn không đồng ý và không đưa. Lúc này N xông vào, dùng hai tay giữ chặt hai bả vai của Tuấn Anh giật về phía trước, đẩy về phía sau khoảng 4-5 cái và ghì về phía thành giường nói "anh trả tiền em như vậy có xứng đáng không". C thấy vậy xông vào dùng hai tay giật số tiền Tuấn Anh đang cầm trên tay trái. Do chỉ có một mình, Tuấn Anh lo sợ nếu không đưa tiền thì sẽ bị N và C đánh gây thối nên Tuấn Anh đã thả tay để C giật số tiền đang cầm. Quan sát thấy C đã chiếm đoạt được tiền của Tuấn Anh, N bỏ tay khỏi người Tuấn Anh, Tuấn Anh nói "thế anh lấy hết tiền của em à", C đáp "Đáng nhẽ tao không lấy nhưng do mày lừa đảo nên tao lấy cho mày chừa". Nói xong C cùng N đi ra khỏi phòng. Tuấn Anh chạy theo xin C trả lại thêm ít tiền, C bảo N đưa lại cho Tuấn Anh mấy trăm, N đưa cho Tuấn Anh 400.000 đồng rồi cả hai rời khỏi nhà nghỉ.

Sau khi chiếm đoạt được tiền của Tuấn Anh, C và N đi xuống gặp T đang đứng đợi ở trước cửa nhà nghỉ Sành Diệu, cả ba cùng nhau đi đến quán nước dừa ở số 2, đường Cổ Linh, phường Long Biên, Long Biên, Hà Nội. Tại đây, C đưa hết số tiền vừa chiếm đoạt của Tuấn Anh và số tiền 700.000 đồng N đưa lúc trước cho N. N cũng lấy hết số tiền Tuấn Anh trả tiền mua dâm trước đó gộp lại cùng số tiền C đưa và đếm được tổng số 7.100.000 đồng. N và C chia nhau số tiền trên. C cầm 2.400.000 đồng và đã tiêu sài hết. N cầm 4.700.000 đồng và đã tiêu sài, còn lại 3.100.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- Cửa Nguyễn Thanh T : 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max.
- Cửa Lê Miên N : Số tiền 3.100.000 đồng; 01 xe máy Piaggio Liberty màu vàng, BKS: 88F1 - 111.18; 01 đăng ký xe máy số 006677, tên chủ xe Triệu Ngọc

Tiến, cấp ngày 28/8/2012; 01 ví da màu nâu kích thước 10cm x 20cm; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng.

- Cửa Nguyễn Văn C : 01 xe máy Honda SH màu đỏ, BKS: 29H2 - 136.79; 01 đăng ký xe máy số 09A04F098716, tên chủ xe: Nguyễn Thu Hiền, cấp ngày 27/12/2019; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng; 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu đen.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Lê Miền N ban đầu khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên. Đến nay, N thay đổi lời khai: N không biết việc C chiếm đoạt số tiền Tuấn Anh đang cầm. N dùng hai tay ghì vai Tuấn Anh giật về phía trước, đẩy về phía sau khoảng 4-5 cái và ghì về phía thành giường do thái độ đưa tiền của Tuấn Anh. Đến khi Tuấn Anh nói “thế anh lấy hết tiền của em à” và C đáp “Đáng nhẽ tao không lấy nhưng do mày lừa đảo nên tao lấy cho mày chừa” thì N mới biết việc C chiếm đoạt tiền của Tuấn Anh. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai ban đầu của bị can, lời khai của bị can C , của bị hại, tài liệu hiện trường, thực nghiệm điều tra và các tài liệu điều tra thu thập được đủ căn cứ để kết luận Lê Miền N phạm tội Cướp tài sản.

Đối với Nguyễn Thanh T , tài liệu điều tra xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/02/2020, khi T đang cùng Lê Miền N đi chơi thì nhận được điện thoại của Nguyễn Văn C rủ đi bán dâm đồng tính cho Nguyễn Tuấn A , T đồng ý. N thấy T bị đau chân nên đề nghị N sẽ đi bán dâm thay cho T , T đồng ý. C hẹn T đến địa chỉ 310 Nghi Tàm, Tây Hồ, Hà Nội, sau đó cả ba cùng đi sang nhà nghỉ Sành Điệu thuộc Tổ 2, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội. Đến nơi, N nói với C là T bị đau chân, N sẽ đi bán dâm thay T , C đồng ý và bảo N vào phòng 312 của nhà nghỉ Sành Điệu. Khoảng 15 phút sau thì N gọi điện thoại cho T nói lên phòng vì khách mua dâm lừa N . Khi T lên phòng 312 thì T gặp Tuấn Anh, do cả hai quen nhau từ trước nên T đi luôn ra ngoài. Khi đi đến cầu thang của nhà nghỉ thì T gặp C , T bảo “anh vào xem bọn nó thế nào, em quen nó nên nói chuyện không tiện”. T đi xuống cổng nhà nghỉ Sành Điệu đợi. Khoảng 10 phút sau, N và C đi xuống. Cả ba đi uống nước tại quán nước số 2 Cổ Linh, phường Long Biên. Tại đây, T thấy N và C đếm, chia tiền và nói với nhau đây là tiền của Tuấn Anh. T nghĩ rằng đây là tiền N bán dâm mà có nên không cầm tiền, T không biết việc N và C cướp tiền của Tuấn Anh. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Thanh T .

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định Tuấn Anh ba lần đưa tiền cho N , lần thứ nhất đưa 800.000 đồng là tiền mua bán dâm giữa Tuấn Anh và N ngày 15/02/2020, lần thứ hai đưa 800.000 đồng là tiền Tuấn Anh trả cho N do các lần trước Tuấn Anh thỏa thuận mua bán dâm nhưng không đến nên N không bán dâm được, lần thứ ba đưa 400.000 đồng là tiền Tuấn Anh trả thêm cho N theo đề nghị của C . Tổng số tiền Tuấn Anh đưa cho N là 2.000.000 đồng. Số tiền này Tuấn Anh tự nguyện đưa cho N và C , không bị ép buộc. Sau đó, C đưa cho Tuấn Anh 100.000 đồng để trả tiền phòng nhà nghỉ, N trả lại cho Tuấn Anh 400.000 đồng. Số

tiền Tuấn Anh tự nguyện đưa cho N và C còn lại là 1.500.000 đồng. Do đó, đủ căn cứ kết luận số tiền N và C chiếm đoạt được của Tuấn Anh là 5.600.000 đồng.

Đối với hành vi môi giới để Lê Miền N bán dâm đồng tính cho Nguyễn Tuấn A của Nguyễn Văn C, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dẫn dắt, dụ dỗ hoạt động mua dâm, bán dâm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, hình thức phạt tiền 3.500.000 đồng.

Đối với 01 xe máy Piaggio Liberty màu vàng, BKS: 88F1 - 111.18, tại Kết luận giám định số 3174 ngày 29/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Xe máy nhãn hiệu PIAGGIO LIBERTY đeo BKS: 88F1 - 111.18 gửi giám định, có SK: RP8M73100CV101800 và SM: M731M4036364 là số nguyên thủy. Quá trình điều tra xác định đăng ký xe mang tên Triệu Ngọc Tiến (SN: 1990, địa chỉ: Thôn Đông, thị trấn Yên Lạc, Yên Lạc, Vĩnh Phúc), anh Tiến khai mua xe máy trên năm 2012, đăng ký chính chủ, đến năm 2019, anh Tiến đã bán xe cho chị Lê Thị Tư H, sinh năm: 1998, HKTT: thôn Đỗ Khê, xã Tiên Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà N. Tại cơ quan điều tra, chị H khai tháng 02/2020, chị H cho anh trai là Lê Miền N sử dụng làm pH tiện đi lại, không biết N sử dụng để phạm tội. Ngày 13/7/2020, cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy trên và đăng ký xe cho chị Lê Thị Tư H.

Đối với xe máy Honda SH màu đỏ, BKS: 29H2 - 136.79, tại Kết luận giám định số 3174 ngày 29/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Xe máy nhãn hiệu HONDA SH đeo BKS: 29H2 - 136.79 gửi giám định, hiện có SK: ZDCJF09A04F098716 và SM: HI-JF07E6035980HIKPR là số nguyên thủy. Xe máy đăng ký tên Nguyễn Thu Hiền; địa chỉ: 39C3 TT Công Trường 12, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội, quá trình điều tra xác định tại địa chỉ trên không có ai tên Nguyễn Thu Hiền cư trú. Tại cơ quan điều tra, chị Hoàng Thị G, sinh năm: 1991; HKTT: xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên khai xe máy trên do bố mẹ để chị mua cho làm pH tiện đi lại, chị cho chồng là Nguyễn Văn C sử dụng đi lại, không biết C sử dụng để phạm tội. Ngày 13/7/2020, cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy trên và đăng ký xe cho chị Hoàng Thị G.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max thu giữ của Nguyễn Thanh T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 13/7/2020, cơ quan điều tra đã trao trả cho Nguyễn Thanh T.

Đối với số tiền 3.100.000 đồng thu giữ của Lê Miền N, quá trình điều tra xác định là số tiền N chiếm đoạt của anh Nguyễn Tuấn A. Chuyển Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với 01 ví da màu nâu kích thước 10cm x 20cm thu giữ của Lê Miền N; 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Chuyển Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng thu giữ của Lê Miền N, 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn C, quá trình điều

tra xác định các bị can sử dụng vào việc phạm tội. Chuyển Tòa án xem xét giải quyết.

Về dân sự: Gia đình của Lê Miền N và Nguyễn Văn C đã bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Tuấn A số tiền 10.100.000 đồng, trong đó 5.600.000 đồng là số tiền N và C chiếm đoạt được của anh Tuấn Anh và 4.500.000 đồng là tiền bồi thường tinh thần và chi phí đi lại của anh Tuấn Anh. Anh Tuấn Anh không đề nghị gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị can Lê Miền N và Nguyễn Văn C .

Lời khai của Nguyễn Văn C phù hợp với lời khai của Lê Miền N , phù hợp với tài liệu chứng cứ thu được.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Miền N và Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Anh Nguyễn Tuấn A – bị hại vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh đã được gia đình các bị cáo bồi thường số tiền 10.100.000 đồng và không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự khác, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo vì thiệt hại không còn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn H G (vợ bị cáo C) và chị Lê Thị Tư H (em gái bị cáo N) không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 10.100.000đồng các chị đã bồi thường cho anh Tuấn Anh.

Luật sư Lại Thu Tr và Luật sư Trần Tuấn A1 bào chữa cho bị cáo Lê Miền N có ý kiến về việc viện kiểm sát truy tố bị cáo N tội cướp tài sản là nặng, hành vi của bị cáo chỉ là ôm anh Tuấn Anh do bị anh Tuấn Anh coi thường và do hành vi sai trái của anh Tuấn Anh với bị cáo trước đó dẫn tới bị cáo tức giận đã xông vào ôm anh Tuấn Anh, không có ý định cướp tiền. Việc giật tiền do bị cáo C thực hiện và bị cáo N không biết nên hành vi của bị cáo N chỉ ở mức độ cưỡng đoạt tài sản. Cả hai luật sư đề nghị Tòa án xem xét chuyển tội danh với bị cáo Lê Miền N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” vì hành vi của bị cáo phù hợp với tội này.

Tại bản cáo trạng số: 221/CT - VKS ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Nguyễn Văn C và Lê Miền N về tội: “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C và Lê Miền N đã đủ yếu tố cấu thành tội: “ Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn C .

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Miền N

Đề nghị xử phạt các bị cáo với mức án sau:

- Đề nghị xử phạt bị cáo C mức án từ **36 đến 42 tháng** tù.

- Đề nghị xử phạt bị cáo N mức án từ **39 đến 45 tháng** tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Đề nghị cho tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 Iphone X màu trắng thu giữ của Lê Miền N , 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn C do các bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm; Trả lại bị cáo Lê Miền N số tiền 3.100.000 đồng, là số tiền bị cáo chiếm đoạt được của anh Nguyễn Tuấn A nhưng gia đình bị cáo đã thay bị cáo hoàn trả cho anh Tuấn Anh; Trả lại bị cáo Lê Miền N 01 ví da màu nâu kích thước 10cm x 20cm do không liên quan đến tội phạm; Trả lại bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về dân sự: Không

Nói lời sau cùng, các Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai do không hiểu biết pháp luật nên đã vi phạm pháp luật, các bị cáo mong HĐXX cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/02/2020, tại Phòng 312 nhà nghỉ Sành Điệu, Tổ 2 phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội, Lê Miền N và Nguyễn Văn C có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt số tiền 5.600.000 đồng của anh Nguyễn Tuấn A thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C và Lê Miền N đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “**Cướp tài sản**”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo về tội: “**Cướp tài sản**” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về vai trò của các bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn C là người trực tiếp giật tiền trên tay bị hại, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dẫn dắt, dụ dỗ hoạt động mua dâm, bán dâm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, hình thức phạt tiền 3.500.000 đồng (bị cáo đã nộp phạt theo Biên lai thu thuế, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính ngày 15/7/2020 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Long Biên Hà Nội) nên không xử lý tội môi giới mại dâm đối với bị cáo. Tuy nhiên, hành vi môi giới của bị cáo mới là nguyên nhân và hậu quả của vụ cướp tài sản sau này. Việc bị cáo có tuổi trẻ, có sức khỏe, nhưng lười lao động, muốn kiếm tiền nhanh chóng mà không cần bỏ công sức nên đã thực hiện hành vi môi giới mua bán dâm đồng tính bất chấp đạo đức xã hội. Do đó khi lượng hình cần có mức hình phạt tương xứng với các hành vi bị cáo thực hiện.

Bị cáo Lê Miền N là đồng tính N, biết việc mua bán dâm vi phạm đạo đức xã hội, bị nhà nước cấm và pháp luật trừng trị nghiêm khắc nhưng vẫn tự nguyện thực hiện, việc bị cáo cho rằng bị cáo là người đồng tính nên việc quan hệ đồng tính khi có nhu cầu là bình thường là vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội. Trong vụ án này bị cáo là người dùng hai tay giữ chặt hai bả vai của bị hại giật về phía trước, đẩy về sau để bị cáo C dễ dàng thực hiện hành vi cướp tiền, việc cướp tiền xuất phát từ mâu thuẫn của bị cáo với bị hại nên khi lượng hình cần có mức hình phạt tương xứng với các hành vi bị cáo thực hiện.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức án phù hợp với tính chất mức độ của tội phạm của các bị cáo gây ra.

Nhân thân các bị cáo mặc dù chưa có tiền án, tiền sự. Song xét về hành vi, tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm bị cáo gây ra thấy cần phải áp dụng một hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, do đó cần thiết phải có những hình phạt tù tương xứng đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Qua phần thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc phân công cụ thể, các bị cáo cướp tiền của bị hại do bộc phát, không có chủ đích trước. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật, do lười lao động, muốn kiếm tiền nhanh chóng, không bằng sức lao động nên đã lên mạng xã hội thỏa thuận hành vi mua bán dâm với bị hại và từ đó mâu thuẫn với bị hại dẫn tới phạm tội cướp tài sản.

- **Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Văn C**, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, số tiền cướp được không lớn, bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, áp dụng mức hình phạt khởi điểm là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

- **Xét nhân thân bị cáo Lê Miền N**, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự trong vụ án này bị cáo là người có mâu thuẫn với bị hại, do bức xúc thái độ của bị hại nên đã trực tiếp ôm bị hại để bị cáo C có cơ hội cướp tiền, hành vi cướp tiền của các bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt khởi điểm là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường toàn bộ cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 nên HĐXX cũng xem xét mở lượng khoan hồng để có mức án giảm nhẹ cho các bị cáo.

* *Về tình tiết tăng nặng*: Không.

* *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Người bị hại anh Nguyễn Tuấn A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Gia đình của bị cáo Lê Miền N và Nguyễn Văn C đã bồi thường dân sự cho Nguyễn Tuấn A số tiền 10.100.000 đồng là số tiền N và C chiếm đoạt được của anh Tuấn Anh 5.600.000 đồng và 4.500.000 đồng là tiền bồi thường tinh thần và chi phí đi lại của anh Tuấn Anh. Anh Tuấn Anh không đề nghị gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Miền N và Nguyễn Văn C nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với chị Nguyễn H G (vợ bị cáo C) và chị Lê Thị Tư H (em gái bị cáo N) đã cùng nhau bỏ ra số tiền 10.100.000 đồng bồi thường thay cho bị cáo C và N, chị G và chị H không yêu cầu bị cáo C và N phải hoàn trả hai chị số tiền trên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 Iphone X màu trắng thu giữ của Lê Miền N, 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn C do các bị cáo

dùng vào việc thực hiện tội phạm (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/08/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên).

- Trả lại bị cáo Lê Miền N số tiền 3.100.000 đồng là số tiền bị cáo chiếm đoạt được của anh Nguyễn Tuấn A do gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Tuấn Anh (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07/8/2020 tại Kho bạc Nhà nước quận Long Biên).

- Trả lại bị cáo Lê Miền N 01 ví da màu nâu kích thước 10cm x 20cm do không liên quan đến tội phạm (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/08/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/08/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên).

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn C .

- Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Miền N .

2. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn C** và **Lê Miền N** phạm tội “**Cướp tài sản**”;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C **36 (Ba mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2020.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Miền N **(36) (Ba mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo

2. Về dân sự : Anh Nguyễn Tuấn A đã nhận số tiền 10.100.000 đồng (Mười triệu một trăm nghìn đồng) do chị Nguyễn H G (vợ bị cáo C) và chị Lê Thị Tư H (em gái bị cáo N) đã cùng nhau bồi thường thay cho các bị cáo số tiền N và C chiếm đoạt được của anh Tuấn Anh 5.600.000 đồng và 4.500.000 đồng là tiền bồi thường tinh thần và chi phí đi lại. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng lắp sim số 0768612222 thu giữ của Nguyễn Văn C do bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên);

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 Iphone X màu trắng lắp sim số 0767294444 thu giữ của Lê Miền N do bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm (Theo Biên bản

giao nhận vật chứng ngày 07/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên);

- Trả lại bị cáo Lê Miên N số tiền 3.100.000 đồng là số tiền bị cáo chiếm đoạt được của anh Nguyễn Tuấn A do gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Tuấn Anh (*Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07/8/2020 tại Kho bạc Nhà nước quận Long Biên*).

- Trả lại bị cáo Lê Miên N 01 ví da màu nâu kích thước 10cm x 20cm do không liên quan đến tội phạm (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên*);

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu đen lắp sim số 09734399119 do không liên quan đến hành vi phạm tội (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C , Lê Miên N , mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: + Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

+ Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP/TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh